

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LX
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ – ST
Ngày 15 – 7 – 2019
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 395/2019/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Điều Thanh P, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số X, đường N, khóm P, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số X, đường N, khóm P, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2019, bản tự khai ngày 17/6/2019 và tại biên bản hòa giải, ông Điều Thanh P là nguyên đơn trong vụ án trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Ngọc D tự nguyện sống chung vào năm 1993 đến nay chưa tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân lần thứ nhất của vợ chồng. Quá trình chung sống đến tháng 6 năm 2004 thì ông

và bà D tự ly thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, các con chung đã trưởng thành nên ông yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Ông và bà D có hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tên Điều Công T1 sinh năm 1994 và Điều Công T2 sinh năm 2000.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai ngày 14/6/2019 và tại biên bản hòa giải, bị đơn là bà Lê Thị Ngọc D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Điều Thanh P tự nguyện chung sống như vợ chồng từ tháng 7 năm 1993, không tổ chức lễ cưới và đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân lần thứ nhất của vợ chồng bà. Bà và ông P chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, ông bà tự ly thân cho đến nay. Nhận thấy không còn biện pháp hàn gắn nên qua yêu cầu ly hôn của ông P, bà đồng ý.

Về con chung: Bà và ông P có 02 (Hai) con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tên Điều Công T1 sinh năm 1994 và Điều Công T2 sinh năm 2000.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông P và bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 04/7/2019. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa ông Điều Thanh P và bà Lê Thị Ngọc D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1993 đến nay chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do đó đôi bên thống nhất ly hôn. Xét thấy, ông P và bà D sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không thể công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của ông bà mà áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố ông P và bà D không phải là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông P và bà D thống nhất có 02 (Hai) con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân tên Điều Công T1 sinh năm 1994 và Điều Công T2 sinh năm 2000.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông P và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] **Về án phí:** Ông P phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông P đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004256 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, ông P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9 và Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố ông Điều Thanh P và bà Lê Thị Ngọc D không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Ông P và bà D có 02 (Hai) con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân tên Điều Công T1 sinh năm 1994 và Điều Công T2 sinh năm 2000.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông P và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông P phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông P đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004256 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, ông P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phạm Xuân Khanh

Nơi nhận:

- Các đương sự ;

TÒA

- VKSND TPLX;

- TAND tỉnh An Giang;

- Chi cục THADS TPLX;

- Lưu: hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Trần Phạm Xuân Khanh

Trần Phạm Xuân Khanh